

Số: MT /NĐCP-KHĐTVT

Cẩm Phả, ngày 18 tháng 11 năm 2024

V/v: Thư mời chào giá lập dự toán vật tư

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP đang có nhu cầu mua sắm vật tư Phụ và các vật tư khác có liên quan

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP kính mời Quý Công ty tham gia chào giá với nội dung như sau:

I. Yêu cầu về hàng hóa

1. Thông tin về vật tư cần mua:

- Tên đơn hàng: Mua sắm vật tư Phụ và các vật tư khác có liên quan

Số hiệu đơn hàng: 203/ĐH-NĐCP ngày 08/11/2024

Chi tiết Đơn hàng (Theo bảng kê chi tiết đính kèm):

Lưu ý: Trong quá trình chuẩn bị báo giá, nhà cung cấp phải khảo sát kỹ thông số kỹ thuật, tình trạng thiết bị của đơn hàng nhằm đảm bảo tính tương thích về môi trường, điều kiện vận hành, chất lượng hàng hóa phù hợp nhu cầu, đảm bảo hiệu quả sử dụng tại nhà máy.

2. Nội dung Hồ sơ chào giá:

a. Yêu cầu về thương mại:

- Đơn giá, tổng giá trị phải được chào bằng VNĐ và được hiểu là giá giao tại kho bên mua và đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước. Chào giá (ghi đầy đủ hãng/nước sản xuất)

- Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P.Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu là 30 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp báo giá được ghi trong bản yêu cầu.

- Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng trong vòng 20 ngày kể từ ngày hợp đồng được hai bên ký kết.

- Thời gian thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng 30 ngày sau khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A.

b. Yêu cầu về hàng hóa

- Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật. Hàng hóa, vật tư cung cấp phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng.

+ Với các mục hàng nhập khẩu: Cấp CO, CQ/COA (CO: Giấy Chứng nhận xuất xứ do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp cho đơn vị nhập khẩu tại Việt Nam Với các mục hàng sản xuất trong nước; CQ: Giấy chứng nhận chất lượng; COA: Giấy chứng nhận thành phần);



+ Với các mục hàng xuất xứ Việt Nam: Cấp Cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa. Riêng các mục hàng có giá trị sau thuế từ 50 triệu đồng/ đơn giá từ 20 triệu đồng trở lên yêu cầu cấp CQ của nhà sản xuất.

Yêu cầu cấp bản gốc hoặc bản công chứng các giấy tờ trên – Cấp bản công chứng dịch thuật tiếng Việt với các chứng từ không được viết bằng tiếng Việt. Trong trường hợp số lượng và mục hàng trên CO, CQ trùng với số lượng của Hợp đồng thì phải cung cấp bản gốc kèm theo các chứng từ trên.

- Hàng hóa được sản xuất từ năm 2023 trở lại đây.

- Nhà cung cấp có thể chào giá theo mã yêu cầu hoặc hàng tương đương (đính kèm tài liệu kỹ thuật hàng tương đương, Văn bản xác nhận tương đương của hãng sản xuất,).

Trường hợp nhà thầu đề xuất hàng tương đương thì nhà thầu phải cung cấp tài liệu bao gồm:

+ *Catalogue/tài liệu kỹ thuật hoặc các tài liệu tương đương khác (có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất) của hàng hóa do nhà thầu đề xuất, Catalogue/tài liệu kỹ thuật phải có đầy đủ thông tin về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa;*

+ *Văn bản của nhà sản xuất (Có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất) khẳng định và cam kết hàng hóa do nhà thầu đề xuất tương đương về đặc tính, thông số kỹ thuật);*

+ *Bảng so sánh thông số kỹ thuật.*

Trường hợp Catalogue/tài liệu kỹ thuật hoặc các tài liệu khác của nhà sản xuất do nhà thầu cung cấp không được viết bằng tiếng Việt thì nhà thầu phải gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực. Trường hợp nhà thầu không cung cấp các tài liệu theo quy định (hoặc không bổ sung được theo yêu cầu của bên mời thầu hoặc cung cấp các tài liệu không được viết bằng tiếng việt mà không gửi kèm dịch sang tiếng Việt thì hàng hóa tương đương do nhà thầu đề xuất được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật)

II. Hình thức tham gia và thời gian chào giá

1. Hình thức chào giá

- Bản chào giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương.

- BCG (theo biểu mẫu đính kèm)

- Hình thức báo giá: ghi rõ nội dung ngoài phong bì thư: **Bản chào giá theo thư mời số 1117/NĐCP-KHĐTVT ngày 18 / 11/2024** gửi thư chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ như sau.

- Các bản chào giá không thực hiện đúng như hình thức yêu cầu trong thư mời bên mời cung cấp có quyền không tiếp nhận, không mở chào giá và trả về nhà cung cấp nếu phong bì thư có ghi rõ địa chỉ nhà cung cấp.

Địa chỉ nhận bản chào giá:

- Phòng Kế hoạch-Đầu tư-Vật tư - Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.

- Địa chỉ: Tổ 4, khu 4A, phường Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Mọi thắc mắc xin liên hệ cán bộ phụ trách: Đinh Thị Phong Lan; Phòng Kế hoạch -Đầu tư -Vật tư ; Điện thoại: 0775346899

- Thời gian nhận bản chào giá chậm nhất vào 13 giờ 00' ngày 20 / 11 /2024 .
- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP mời các nhà cung cấp đã nộp BCG chứng kiến và xác nhận việc mở BCG, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở BCG vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các nhà cung cấp.
- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV rất mong được sự hợp tác của quý đơn vị.

Trân trọng./.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (B/c)
- Trang Web TKV (đăng tải);
- Trang Web ĐLTKV (đăng tải);
- Tổ tư vấn LCNCC;
- Phòng KH-ĐT-VT;
- Lưu Văn thư, ĐTPL(1).

KT.GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Hoàng Lân

Bảng kê chi tiết đơn hàng

(Đính kèm thư mời chào giá số 117 /NĐCP-KHĐTVT ngày 18 tháng 11 năm 2024)

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1.	Băng dính cách điện			Cuộn	150	
2.	Bầu phanh sau	SHSY, 2 bu lông bắt M16x1,5; Khoảng cách tâm 2 bu lông =120mm; 2 lỗ đường hơi vào ren trong bước ren 1,5; đường kính ren 14mm		Cái	4	
3.	Bu lông	M10x30 (4.8) ren suốt		Bộ	170	
4.	Bu lông	M20x200 (4.8) Ren suốt		Bộ	50	
5.	Bu lông	M14x50		Bộ	116	
6.	Bu lông	M4x50 (4.8) ren suốt		Bộ	200	
7.	Bu lông	M4x30 (4.8)		Bộ	200	
8.	Bu lông bắt giằng cầu (Mỗi bộ gồm 2 ê cu)	Bu lông cường độ cao M18x1,5; L=120(10.9) Chiều dài tiện ren 1/2		Bộ	16	
9.	Cao su tấm	dày 5mm (1000x100x5)		M2	20	
10.	Chổi bông lau			Cái	30	
11.	Chổi đánh gi	Φ100		Cái	30	
12.	Chổi nhựa	cán Inox		Cái	10	
13.	Chổi quét sơn	loại 5cm		Cái	20	
14.	Chổi quét sơn	loại 10cm		Cái	20	
15.	Chổi thanh hao			Cái	150	
16.	Giấy ráp mịn	B1000		Tờ	40	
17.	Giấy ráp mịn	B800		Tờ	40	
18.	Giấy vệ sinh	Loại Emos		Dây	40	
19.	Keo 2 thành phần	3 Ton Quick Epoxy Adhesivs (bộ gồm 2 tuýp)		Bộ	10	
20.	Keo 650 độ F	85g		Lọ	100	
21.	Keo Silicone	GP 280ml		Lọ	100	
22.	Nước lau nhà			Chai	10	
23.	Nước tẩy nhà vệ sinh			Chai	10	
24.	Máy bơm chìm hút nước mẫu (Loại bơm nhúng chìm) Đồng bộ linh kiện cho 1 bộ thiết bị: + 3m cáp nguồn phích cắm 3 chạc (GDM) + 01 phao báo cạn tự động đóng ngắt	TWI 4.05-06-EM-CI; Công suất 0,4kW; Lưu lượng: 13.8 m3/h; Cột áp: 7mH2O; Đường kính họng xả: 32mm; Nguồn cấp: 110÷230AVC±10%(50/60Hz±10%)		Bộ	1	
25.	Ống cao su bố vải chịu lực	Φ34mm P=16at		m	260	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
26.	Ống nhựa mềm lõi thép	Φ76		M	300	
27.	Ống tuy ô nhựa	Φ8 (1 cuộn=100m)		Cuộn	1	
28.	Pin	Energizer 3a		Đôi	100	
29.	Pin	AA 1.5V		Đôi	40	
30.	Rô tuyền	Loại M10x10; đầu ren ngoài và đầu ren lỗ đều là M10(10mm)		Bộ	12	
31.	Sơn chống gỉ	Epoxy màu xanh nước biển		Kg	2	
32.	Sơn chống gỉ	Epoxy màu đỏ		Kg	10	
33.	Tay giằng cầu hạ	Chiều dài tổng thể L=665mm, đường kính thân giằng cầu D=55; Hai đầu rô tuyền đường kính D=132, dày 53mm; lỗ bắt bu lông F19 tâm hai lỗ L=110		Cái	4	
34.	Tấm mica trong	KT:1220x2440 dày 3mm		Tấm	2	
35.	Tết chèn cổ trục	10x10		Kg	5	
36.	Tết chèn cổ trục	12x12		Kg	10	
37.	Tết chèn cổ trục	14x14		Kg	10	
38.	Tết chèn cổ trục	16x16		Kg	10	
39.	Tết chèn cổ trục	20x20		Kg	10	
40.	Tết chèn cổ trục	25x25		Kg	10	
41.	Tết chì	10x10		Kg	50	
42.	Tết mỡ	12x12 (6500TFE)		Kg	10	
43.	Tết mỡ	14x14 (6500TFE)		Kg	10	
44.	Tết mỡ	16x16 (6500TFE)		Kg	10	
45.	Túi nilon đựng rác màu đen	Loại 5kg		Kg	20	
46.	Túi nilon đựng rác màu đen	Loại 10 kg		Kg	20	
47.	Túi nilon đựng rác màu đen	V=0,1m3		Kg	20	
48.	Van bướm tay gạt	DN125 PN10 chất liệu nhựa PVC nhiệt độ làm việc 50°C; kết nối: kiểu kẹp		Cái	2	
49.	Vít bắn tôn	M3x30 (200 cái/túi)		Túi	5	
50.	Vít bắn tôn	M5x35 (200 cái/Túi)		Túi	5	

BIỂU MẪU BẢN CHÀO GIÁ BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Ngày: (Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng)
 Tên đơn hàng: (Ghi tên đơn hàng theo Thư mời chào giá)
 Số hiệu đơn hàng: (Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá)

Số TT (Theo thư mời)	Tên vật tư, hàng hóa	Quý cách – Thông số kỹ thuật		Đơn vị tính	Hãng/ nước sản xuất		Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền trước thuế (VNĐ)	Thuế GTGT (VNĐ)		Thành tiền sau thuế (VNĐ)
		Theo thư mời	Chào giá		Theo thư mời	Chào giá (ghi đầy đủ hãng/ nước sản xuất)				8%	10%	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Hàng hóa thứ nhất.											
2	Hàng hóa thứ nhất.											
n	Hàng hóa thứ n											
		Tổng giá trị										

1. Giao hàng:

- a) Thời gian giao hàng:
 b) Địa điểm giao hàng:
 c) Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa

2. Thanh toán:

3. Hàng hóa

- Chất lượng: Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng: (Nhà cung cấp ghi rõ tên các loại giấy tờ).

4. Bảo hành (nếu có):

5. Hiệu lực báo giá :

6. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàn (nếu có):

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
 (Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

(Ghi chú: ở cột số (9); (10): Nhà cung cấp ghi giá trị thuế GTGT ở cột áp dụng thuế suất GTGT tương ứng với hàng hóa)